TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Cường.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Kha Thị Hà.

Ông Cụt Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An *tham gia phiên tòa:* Ông Phùng Tiến Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh B K Đ, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, xã NĐ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị L T B, sinh năm 1993 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Bản VM, xã TH, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh B K Đ trình bày:*

- Về tình cảm: Anh B K Đ và chị L T B đã kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 22 tháng 3 năm 2022. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không

còn. Vì vậy, anh Đ có nguyện vọng ly hôn với chị B để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Anh Đ và chị B chưa có con chung.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị B tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Anh Đ và chị B tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị L T B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị B vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án không thể lấy lời khai của chị B. Tại phiên tòa chị B tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Cho anh Đ và chị B được ly hôn; về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Vụ án thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn chị L T B có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã TH, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An do đó Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B K Đ và chị L T B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/3/2022. Thời điểm kết hôn anh Đ và chị B đều đã đủ điều kiện kết hôn vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn anh Đ trình bày thì sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay anh Đ không thể tiếp tục chung sống với chị B được nữa nên xin

được ly hôn. Chị L T B triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt và qua kết quả xác minh hiện nay chị B không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì không ai biết. Từ đó có cơ sở khẳng định, tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh B K Đ được ly hôn với chị L T B.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh B K Đ và chị L T B chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không ai có yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh B K Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010713 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh B K Đ và chị L T B được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Anh B K Đ và chị L T B chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh B K Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010713 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKS Tương Dương;
- UBND xã TH;
- Chi cục THADS huyện Tương Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Cường